

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LÀO CAI
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 146/2024/HSST.

Ngày 20 - 11 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI - TỈNH LÀO CAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lý Thị Minh Yên

- Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Xuân Hương

Bà Trần Thanh Phương.

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Đoàn Thị Thu Hiền – Thư ký
Toà án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai tham gia phiên toà:
Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, tiến hành xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 141/2024/TLST-HS ngày 22 tháng 10 năm 2024, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 143/2024/HSST ngày 08 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Thị X (Tên gọi khác: Không); Sinh ngày 01 tháng 01 năm 1971 tại H, Ninh Bình; Nơi thường trú: Thôn X, xã T, huyện H, tỉnh Ninh Bình; Nơi ở hiện tại: Số B, đường L, tổ F, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 01/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đình T và bà Nguyễn Thị T1; bị cáo có chồng là Nguyễn Văn Đ và 01 con; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 29/6/2024 đến ngày 08/7/2024 có quyết định hủy bỏ quyết định tạm giữ, áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Hồi 20 giờ 50 phút ngày 28/6/2024, tổ công tác của Đội Cảnh sát hình sự Công an thành phố L phối hợp với Công an phường C, thành phố L tiến hành kiểm tra nhà nghỉ T5, địa chỉ số B, đường L, tổ F, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai phát hiện tại phòng 204 tầng 2 có 01 đôi nam nữ đang thực hiện hành vi quan hệ tình dục mua bán dâm là Lò Thị B (sinh năm 1997) đang bán dâm cho Bùi Đức T2 (sinh năm 1986). Tổ công tác đã lập biên bản, thu giữ vật chứng gồm: 01 (một) bao cao su chưa qua sử dụng, vỏ bao màu hồng, trên vỏ bao có nhiều chữ nước ngoài.

Quá trình làm việc, hai đối tượng mua bán dâm trên đều đã khai nhận được Nguyễn Thị X, sinh năm 1971, địa chỉ: Số nhà B, đường L, tổ F, phường C, thành phố L là người môi giới để thực hiện hành vi mua bán dâm hình thức quan hệ tình dục đi nhanh với giá 400.000đồng (*Bốn trăm nghìn đồng*).

Căn cứ vào nội dung kiểm tra tại nhà nghỉ T5 và lời khai của Bùi Đức T2, Lò Thị B, tổ công tác tiến hành triệu tập đối với Nguyễn Thị X để làm rõ các nội dung có liên quan đến hành vi môi giới mại dâm. Quá trình làm việc Nguyễn Thị X đã khai nhận, đôi nam nữ mua bán dâm tại nhà nghỉ T5 như trên là do Nguyễn Thị X làm trung gian môi giới.

Quá trình điều tra xác định: Nguyễn Thị X kinh doanh bán hàng nước giải khát tại nhà mình địa chỉ số B, đường L, tổ F, phường C, thành phố L. Khoảng đầu tháng 6/2024, Nguyễn Thị X đã nhận Lò Thị B thường gọi là “H” về quán. Nguyễn Thị X có trách nhiệm nuôi ăn ở, sinh hoạt cho Lò Thị B để Lò Thị B làm gái bán dâm ở quán của mình và Nguyễn Thị X thỏa thuận với Lò Thị B giá tiền bán dâm “đi nhanh” cho khách trong thời gian 30 phút là 400.000 đồng, bán dâm “đi giờ” giá tiền là 500.000đồng/giờ, còn bán dâm đi qua đêm thì giá tiền dao động từ 1.800.000 đồng đến 2.000.000 đồng tùy thuộc vào khoảng thời gian khách mua dâm đến giao dịch mua dâm. Khi có khách mua dâm thì Nguyễn Thị X sẽ trực tiếp giao dịch, thỏa thuận, thu tiền của khách rồi điều động Lò Thị B đưa khách mua dâm đến nhà nghỉ để quan hệ tình dục bán dâm cho khách. Số tiền thu được của khách mua dâm, sau khi trừ đi tiền thuê phòng nhà nghỉ thì Nguyễn Thị X và Lò Thị B chia đôi. Khoảng 20 giờ 35 phút ngày 28/6/2024, khi Nguyễn Thị X đang ở quán thì Bùi Đức T2 đi đến quán đặt vấn đề với Nguyễn Thị X để hỏi mua dâm. Sau khi thỏa thuận giá cả, Bùi Đức T2 chuyển khoản cho Nguyễn Thị X số tiền là 420.000đ (*Bốn trăm hai mươi nghìn đồng*) trong đó 400.000 đồng (*B1 trăm nghìn đồng*) tiền mua dâm và 20.000 đồng (*Hai mươi nghìn đồng*) tiền mua nước uống vào tài khoản ngân hàng của X. Sau khi nhận được tiền, Nguyễn Thị X gọi Lò Thị B về và bảo dẫn Bùi Đức T2 sang nhà nghỉ T5 để lấy phòng bán dâm cho anh Bùi Đức T2. Sau đó, Lò Thị B dẫn Bùi Đức T2 sang nhà nghỉ T5 rồi lên thẳng phòng 204 của nhà nghỉ để thực hiện hành vi. Đến khoảng 20 giờ 50 phút cùng ngày khi Lò Thị B và anh Bùi Đức T2 đang chuẩn bị quan hệ tình dục thì tổ công tác Công an thành phố L kiểm tra, phát hiện.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, lời khai người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Cáo trạng số 137/CT- VKST-P2 ngày 21/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị X phạm tội “*Môi giới mại dâm*” theo quy định tại khoản 1 Điều 328 Bộ luật Hình sự;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị X phạm tội “*Môi giới mại dâm*” theo quy định tại khoản 1 Điều 328 của Bộ luật hình sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 328 Bộ luật Hình sự; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị X từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo. Tuyên xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật;

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố L, tỉnh Lào Cai, Điều tra viên, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều thực hiện hợp pháp.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng, biên bản phạm tội quả tang và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Cụ thể: Ngày 28/6/2024, bị cáo đã thực hiện hành vi dẫn dắt làm trung gian môi giới để Lò Thị B thực hiện hành vi bán dâm cho Bùi Đức T2 thu lợi bất chính số tiền 400.000đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm vào trật tự an toàn công cộng. Bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội, với động cơ vụ lợi. Khi thực hiện tội phạm, bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi theo luật định. Do vậy, đã có đủ căn cứ để xác định hành vi của Nguyễn Thị X đủ yếu tố cấu thành tội “*Môi giới mại dâm*” theo quy định tại khoản 1 Điều 328 của Bộ luật hình sự theo Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai đã truy tố.

Vì vậy, cần phải xét xử bị cáo với một mức án nghiêm minh nhằm giáo

dục, cải tạo bị cáo đồng thời có tác dụng giáo dục chung.

[3] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, HĐXX thấy rằng:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội lần đầu, tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội không lớn, mức cao nhất của khung hình phạt đến 03 năm, do đó được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo có bố đẻ là ông Nguyễn Đình T được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhì, do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Mặt khác, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện bị cáo không có tiền án, tiền sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo; sau khi bị cáo được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo chấp hành theo giấy triệu tập, giấy báo của Tòa án. Ngoài ra xét về hoàn cảnh gia đình bị cáo là lao động chính trong gia đình chồng bị cáo là anh Nguyễn Văn Đ bị bệnh không có khả năng lao động (có xác nhận của tổ trưởng tổ dân phố nơi bị cáo cư trú). Tại phiên tòa, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo để vừa cải tạo vừa chăm sóc gia đình, đồng thời lao động để đảm bảo cuộc sống gia đình. Đối chiếu với các quy định của pháp luật, trên cơ sở hướng dẫn tại Điều 2 Nghị quyết 02/2018/QNQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ Luật hình sự; Hội đồng xét xử xét thấy việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội mà vẫn có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự, cho bị cáo được hưởng án treo để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[4] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền với đối với bị cáo.

[5] Về phần xử lý vật chứng:

- Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A94, màu xám đen, số imei 1: 863271055744091; số imei 2: 863271055744083, bên trong gắn 02 thẻ sim tạm giữ của bị cáo X. Quá trình điều tra xác định bị cáo X đã sử dụng chiếc điện thoại trên dùng làm phương tiện nhận tiền chuyển khoản của khách mua đâm vào tối ngày 28/6/2024. Do đó cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- Đối với 76 (Bảy mươi sáu) bao cao su chưa sử dụng nhãn hiệu “ULTRA THIN”, màu hồng nhạt tạm giữ của bị cáo Nguyễn Thị X và 01 (một)

bao cao su chưa qua sử dụng, vỏ bao màu hồng, trên vỏ bao có nhiều chữ nước ngoài tạm giữ trong quá trình kiểm tra phòng 204, nhà nghỉ T5. Quá trình điều tra xác định đây là công cụ để thực hiện hành vi quan hệ tình dục mua bán dâm, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

-Số tiền 400.000đồng (Bốn trăm nghìn đồng) tạm giữ của Nguyễn Thị X, quá trình điều tra xác định số tiền trên là tài sản có được do thực hiện hành vi phạm tội mà có nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền 21.500.000đ (*Hai mươi một triệu năm trăm đồng*) thu giữ tại nhà Nguyễn Thị X, quá trình điều tra xác định trong số tiền trên có 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*) là tiền của chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1972, nơi thường trú: Ngõ B, đường L, tổ F, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai gửi nhờ bị cáo X cất giữ hộ vào tối ngày 28/6/2024 khi chị A đi tập thể dục. Xét thấy số tiền trên không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo X nên ngày 05/8/2024 Cơ quan điều tra đã trao trả lại cho chị Nguyễn Thị Anh. Số tiền còn lại 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) là tiền cá nhân của Nguyễn Thị X do bị cáo X kinh doanh bán hàng nước giải khát mà có, nên Cơ quan điều tra trả lại cho Nguyễn Thị X là phù hợp.

[6]Về các vấn đề khác:

Liên quan đến vụ án Đối với Bùi Đức T2 ngày 28/6/2024 đã có hành vi mua dâm. Ngày 24/7/2024 Công an thành phố L đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính mức phạt tiền 1.500.000 đồng. Bùi Đức T2 đã chấp hành xong Quyết định xử phạt vi phạm hành chính do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Đối với Lò Thị B ngày 28/6/2024 đã có hành vi bán dâm, ngày 24/7/2024 Công an thành phố L đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính mức phạt tiền 400.000 đồng. Chị Lò Thị B đã chấp hành xong Quyết định xử phạt vi phạm hành chính do đó Hội đồng xét xử không xem xét

Đối với chủ cơ sở kinh doanh cho thuê lưu trú nhà nghỉ T5 và chị Bùi Thị P, sinh năm 1977, nơi thường trú: Tổ B, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai - là người có mặt tại nhà nghỉ T5 tại thời điểm Cơ quan công an kiểm tra. Quá trình điều tra xác định, khi Lò Thị B dẫn Bùi Đức T2 đến thuê nhà nghỉ vợ chồng ông Phạm Quảng T4 và bà Lê Thị Thanh H1 không có mặt ở nhà. Tối ngày 28/6/2024, vợ chồng ông T4 bà H1 có nhờ chị Bùi Thị Phương G trông coi, quản lý nhà hộ. Khi Lò Thị B dẫn Bùi Đức T2 đến nhà nghỉ T5 nhưng trong lễ tân không có ai, B cho rằng X đã thuê phòng nên chủ động đưa T2 lên tầng 2 và thấy phòng 204 mở cửa nên B đưa T2 vào phòng để thực hiện hành vi mua bán dâm. Thời điểm B đưa T2 vào nhà nghỉ thì chị P không biết có người vào. Do đó xác định chị P và vợ chồng ông T4, bà H1 đều không biết việc có đôi nam nữ thuê phòng để mua bán dâm và không tham gia đến các hoạt động mại dâm, do vậy không đủ căn cứ để xử lý về hành vi Chứa mại dâm.

Việc ông Phạm Quảng T4 là chủ cơ sở kinh doanh nhà nghỉ T5 đã không giao trách nhiệm rõ ràng cho chị Bùi Thị P trong việc kiểm soát, quản lý khách

đến thuê phòng lưu trú, dẫn đến việc chị P đã không kiểm soát nhà nghỉ để Lò Thị B tự dẫn anh Bùi Đức T2 vào nhà nghỉ lấy phòng rồi thực hiện hành vi mua bán dâm. Hành vi của ông T4 đã vi phạm hành chính nên Cơ quan điều tra đã chuyển hồ sơ đến Cơ quan có thẩm quyền đề nghị ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Phạm Quang T4 theo đúng quy định.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1.Căn cứ khoản 1 Điều 328; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

1.1.Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị X phạm tội “*Môi giới mại dâm*”.

1.2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị X 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường C, thành phố L giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm Điều 47 Bộ luật hình sự; Khoản 1, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố Tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 76 (Bảy mươi sáu) bao cao su chưa qua sử dụng nhãn hiệu “ULTRA THIN”, màu hồng nhạt; 01 (một) bao cao su chưa qua sử dụng, vỏ bao màu hồng, trên vỏ bao có nhiều chữ nước ngoài thu giữ khi kiểm tra phòng 204 nhà nghỉ T5.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước:

-01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A94, màu xám đen, bên trong gắn 02 thẻ sim mạng viễn thông V, màn hình bị vỡ;

-Số tiền 400.000 đồng thu giữ của Nguyễn Thị X (Ngày 31/7/2024 M đã thực hiện chuyển 400.000 đồng từ tài khoản 0973952944 mang tên Nguyễn Thị X sang tài khoản tạm giữ số 394909049863 của Công an thành phố L, mở tại Kho bạc nhà nước tỉnh Lào Cai theo lệnh chuyển tiền của công văn số 834/CV-ĐCSHS ngày 26/7/2024 của cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố L).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị X phải chịu 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh+TP;
- Bị cáo;
- Công an TP Lào Cai;
- Thi hành án;
- Chi cục THADS TP;
- Sở tư pháp; UBND phường C;
- Lưu hồ sơ + TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lý Thị Minh Yên